

Số: 27/BC-THS2NT

Núa Ngam, ngày 25 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông.

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Sơn Tổng, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0395 136 077.
- Trang thông tin điện tử: <http://thso2natong.huyendienbien.edu.vn>.

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Núa Ngam tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên tốt.

4.2. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục phấn đấu, tiếp cận các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%.

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông được thành lập theo Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013, trên cơ sở từ trường PTDTBT Tiểu học số 3 xã Mường Nhà. Do sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp tại Quyết định 143/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam trường được đổi tên thành trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông xã Núa Ngam; Trường có 01 điểm trường chính và 03 điểm trường lẻ. Điểm trường chính nằm tại bản Sơn Tổng xã Núa Ngam; một điểm trường lẻ (Huổi Chanh) cách trung tâm 10 km; hai điểm trường lẻ (Gia Phú A, Gia phú B) cách trung tâm 13 km. Học sinh nhà trường 100% là con em dân tộc Mông, hoàn cảnh kinh tế còn rất nhiều khó khăn.

Trong những năm học gần đây, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo, kêu gọi sự ủng hộ của doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn xã, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tu sửa, tôn tạo cảnh quan trường lớp thêm khang trang, sạch đẹp.

Cùng với việc đầu tư về cơ sở vật chất, nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là công tác giáo dục mũi nhọn.

Nhiều năm học, trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”; “tập thể lao động xuất sắc” được UBND huyện công nhận, tặng giấy khen. Được sở giáo dục và đào tạo tặng giấy khen. Công đoàn đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh được Liên đoàn lao động huyện Điện Biên tặng giấy khen. Hằng năm, Chi bộ nhà trường đạt “Chi bộ trong sạch vững mạnh” được Đảng ủy xã Na Tông tặng Giấy khen. Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được Ban chấp hành Đoàn xã Na Tông tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Hằng năm Liên đội Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh được huyện Đoàn Điện Biên tặng giấy khen Liên đội có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi. Thêm vào đó, trường có đội ngũ CBQL,

GV đã trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho sự phát triển của địa phương và cả nước, Nhà trường làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, chính vì vậy, đội ngũ giáo viên của trường ngày càng vững mạnh, đã có nhiều thầy cô đã đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp huyện, đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được các cấp tặng Giấy khen. CBQL được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững vàng và luôn được phụ huynh học sinh tin yêu, đặt trọn niềm tin.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Phạm Thị Hương Giang
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0395 136 077
- Gmail: phamgiang.so1thanhnua@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của UBND huyện Điện Biên về việc đổi tên “Trường PTDTBT Tiểu học số 3 xã Mường Nhà” Thành “Trường PTDTBT Tiểu học số 2 xã Na Tông”.

Quyết định 143/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam trường được đổi tên thành “Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông xã Núa Ngam”.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Quyết định số 2720/QĐ-UBND, ngày 28/9/2023 của UBND huyện Điện Biên về việc thành lập Hội đồng trường trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Phạm Thị Hương Giang	Hiệu trưởng	
2.	Giàng A Thái	Trưởng phòng kinh tế xã Núa Ngam	
3.	Phạm Văn Việt	Phó hiệu trưởng	
4.	Đặng Hùng Mạnh	Phó hiệu trưởng – Chủ tịch HĐ trường	
5.	Giàng A Dia	Trưởng Ban ĐDCMHS nhà trường	
6.	Quàng Văn Thắng	Giáo viên – Bí thư ĐTNCSHCM	
7.	Quàng Văn Sơn	Giáo viên đại diện tổ chuyên môn	

8.	Lò Đức Trung	Giáo viên đại diện tổ chuyên môn	
9.	Phạm Văn Tiến	Kế toán đại diện tổ văn phòng	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng (Phạm Thị Hương Giang): Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng (Đặng Hùng Mạnh): Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng (Phạm Văn Việt): Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 17 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 247 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS của nhà trường, của các lớp.

+ Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Thị Hương Giang	Hiệu trưởng	0395136077	phamgiang.s01thanhnua@gmail.com
2	Phạm Văn Việt	Phó hiệu trưởng	0977199830	phamviet0881@gmail.com
3	Đặng Hùng Mạnh	Phó hiệu trưởng	0389154218	danghungmanh1985@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 24 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Trình độ đào tạo
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	ĐH
2	Hiệu phó	02	ĐH
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	8	ĐH
2	Giáo viên TH hạng III	9	ĐH
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thư viện, Thiết bị	1	ĐH
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	ĐH
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	ĐH
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	Chưa qua đào tạo

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 03 điểm trường lẻ.

- Trung tâm có diện tích là 2.431m²/học sinh, trung bình đạt 12m²/học sinh.

- Điểm trường Huổi Chanh có diện tích là 351 m²/học sinh, trung bình đạt 23,4m²/học sinh.

- Điểm trường Gia Phú A có diện tích 351 m² học sinh, trung bình đạt 23,4m²/học sinh.

- Điểm trường Gia Phú A có diện tích 308 m² học sinh, trung bình đạt 23,6m²/học sinh.

Dàn phần đầu tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Đang xây dựng Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thống và hoạt động Đội. Các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 8 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường chưa có nhà để xe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên

môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với các cấp, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức phụ huynh mua cho học sinh.

Sách Pháp luật gồm: có 167 đầu sách, 234 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường có 120 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

*** Đánh giá theo từng tiêu chí:**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả	
	Không đạt	Đạt

		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2	X	X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	X	X	X	
Tiêu chí 3.2	X	X	X	
Tiêu chí 3.3	X	X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 237 học sinh, số học sinh nữ là 117 em 49,36%. Có 11 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 21,5 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 100% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 237/237 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thông kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

Khối 1- 5 (Theo thông tư 27/2020)

I. Kết quả học tập	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Tổng số HS có KQĐG	Nữ
1. Tiếng Việt	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	48	9	5	6	4	16	11	10	4	7	3
Hoàn thành	186	34	16	32	17	43	20	30	11	41	15
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
2. Toán	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	48	9	5	6	4	16	11	10	4	7	3
Hoàn thành	186	34	16	32	17	43	20	30	11	41	15
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
3. Đạo đức	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	127	23	11	20	11	31	18	26	9	25	11
Hoàn thành	117	20	10	18	10	28	13	20	6	23	7
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
4. Tự nhiên và Xã hội	143	45	22	39	22	59	31				
Hoàn thành tốt	70	22	10	18	8	28	15				
Hoàn thành	70	21	11	20	13	31	16				
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						

5. Khoa học	94							46	15	48	18
Hoàn thành tốt	29							14	5	15	6
Hoàn thành	65							32	10	33	12
Chưa hoàn thành											
6. LS &ĐL	94							46	15	48	18
Hoàn thành tốt	29							14	5	15	6
Hoàn thành	65							32	10	33	12
Chưa hoàn thành											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	125	23	11	20	11	31	18	26	9	25	11
Hoàn thành	109	20	10	18	10	28	13	20	6	23	7
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	125	23	11	20	11	31	18	26	9	25	11
Hoàn thành	109	20	10	18	10	28	13	20	6	23	7
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
9. Hoạt động trải nghiệm	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	125	23	11	20	11	31	18	26	9	25	11
Hoàn thành	109	20	10	18	10	28	13	20	6	23	7
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
10. Giáo dục thể chất	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	125	23	11	20	11	31	18	26	9	25	11
Hoàn thành	109	20	10	18	10	28	13	20	6	23	7
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
11. TH-CN (Công nghệ)	94					59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	29					31	18	14	5	15	6
Hoàn thành	65					28	13	32	10	33	12
Chưa hoàn thành											
12. TH-CN (Tin học)	94					59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	29					31	18	14	5	15	6
Hoàn thành	65					28	13	32	10	33	12
Chưa hoàn thành											
13. Ngoại ngữ	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành tốt	48	9	5	6	4	16	11	10	4	7	3
Hoàn thành	186	34	16	32	17	43	20	30	11	41	15
Chưa hoàn thành	3	2	1	1	1						
II. Năng lực cốt lõi											
* Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18

[illegible]

<i>Yêu nước</i>	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Tốt	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Đạt											
Cần cố gắng											
<i>Nhân ái</i>	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Tốt	126	23	11	21	11	31	18	26	9	25	11
Đạt	111	22	11	18	11	28	13	20	6	23	7
Cần cố gắng											
<i>Chăm chỉ</i>	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Tốt	125	23	11	21	11	31	18	25	9	25	11
Đạt	111	22	11	18	11	28	13	20	6	23	7
Cần cố gắng	1							1			
<i>Trung thực</i>	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Tốt	125	23	11	21	11	31	18	25	9	25	11
Đạt	111	22	11	18	11	28	13	20	6	23	7
Cần cố gắng	1							1			
<i>Trách nhiệm</i>	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Tốt	125	23	11	21	11	31	18	25	9	25	11
Đạt	111	22	11	18	11	28	13	20	6	23	7
Cần cố gắng	1							1			
IV. Đánh giá KQGD	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
- Hoàn thành xuất	4			1	1	2	1			1	1
- Hoàn thành tốt	44	9	5	5	2	14	6	10	4	6	3
- Hoàn thành	186	34	16	32	19	43	24	36	11	41	14
- Chưa hoàn thành	3	2	1	1							
V. Khen thưởng	48	37	16	10	6	1					
- Giấy khen cấp trường	48	37	16	10	6	1					
- Giấy khen cấp trên											
VI. HSDT được trợ giảng											
VII. HS.K.Tật	4	1				3					
VIII. HS bỏ học kỳ II											
IX. Chương trình lớp học	237	45	22	39	22	59	31	46	15	48	18
Hoàn thành	234	43	21	38	20	51	31	66	34	76	33
Chưa hoàn thành	3	2	1	1				1			

- Học sinh HTCTLH: 234/237, tỉ lệ 98,7%.

- 48 em học sinh được khen thưởng theo Thông tư 27/2020.

- 05 đồng chí đạt sáng kiến cấp huyện.

- Có 01 sản phẩm tham gia cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên và Nhi đồng cấp huyện năm 2025 .

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 48/48 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

Dự toán được giao trong năm: 8.549.465.088 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 8.549.465.088 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 8.549.465.088 đồng

- Kinh phí quyết toán: 0 đồng

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

- Kinh phí nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024-2025: 0 đồng

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024-2025: 0 đồng

- Kinh nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 0 đồng
- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024-2025:
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.
- Kết nạp được 51 đội viên mới trong năm học.
- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”
- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.
- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 53, toàn trường chọn gửi 50 bức thư về BTC.
- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- + Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường làm vườn rau, làm đồ chơi ngoài trời cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Trong năm học 2024-2025 nhà trường có 70 học sinh ăn bán trú tại trường

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 17 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm xét cho 01 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

- Phòng GD&ĐT tiếp tục cấp bổ sung thiết bị dạy học cho việc thực hiện CTGDPT 2018 và một số thiết bị khác phục vụ các hoạt động.

- Nhà trường tiếp tục bổ sung trang trí trường lớp, xây dựng cảnh quan trường học.

- Nhà trường đang tiến hành xây dựng các phòng học và phòng chức năng còn thiếu

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Tông theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Nơi nhận:

- Trang web nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hương Giang